



BỘ Y TẾ
TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y TẾ CÔNG CỘNG
TRUNG TÂM XÉT NGHIỆM
LABORATORY CENTER



Địa chỉ: Số 1A, đường Đức Thắng, P. Đức Thắng, Q. Bắc Từ Liêm, Hà Nội
Address: No.1A, Duc Thang Street, Duc Thang Ward, Bac Tu Liem District, Ha Noi City
Phone: (+84) 332592223; Hotline: (+84) 962958209; Website: <https://huphlab.vn/>

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

Số/No: W2502-060 (25.140)

- Tên mẫu/ Name of sample : Mẫu đầu nguồn
- Loại mẫu/ Sample type : Nước sạch
- Tên khách hàng/ Name of customer : Công ty Cổ phần Đầu tư và xây dựng Việt Thanh
- Địa chỉ khách hàng/ Address of customer : Khu đô thị Sơn Nam Plaza, phường Hồng Châu, thành phố Hưng Yên, tỉnh Hưng Yên, Việt Nam
- Mô tả mẫu/ Description : Mẫu đựng trong 3 chai 1 lít ở điều kiện thường
- Ngày nhận mẫu/ Date of receiving : 06/02/2025
- Người lấy/gửi mẫu/ Sample taking : Nguyễn Hữu Cường
- Thời gian thử nghiệm/ Testing time : 06/02/2025 – 14/02/2025
- Kết quả thử nghiệm/ Test results :

TT No	Tên chỉ tiêu Characteristic	Phương pháp thử Test method	Đơn vị Unit	Kết quả Result	QCVN 01- 1:2018/BYT
				W2502-060	Ngưỡng giới hạn cho phép
1	Coliform tổng số(*)	TCVN 6187-1:2019	CFU/100 mL	KPH	<3
2	E. coli(*)	TCVN 6187-1:2019	CFU/100 mL	KPH	<1
3	Arsenic (As)(*)	SMEWW 3113B:2023	mg/L	0,003	0,01
4	Clo dư tự do(*)	SMEWW 4500-Cl-G:2023	mg/L	0,57	0,2 ÷ 1
5	Độ đục(*)	TCVN 12402-1:2020	NTU	<0,1	2
6	Màu sắc(*)	TCVN 6185:2015	TCU	5,9	15
7	Mùi, vị	SMEWW 2150:2023 &SMEWW 2160:2023	-	Không có mùi, vị lạ	Không có mùi, vị lạ
8	pH(*)	TCVN 6492:2011	-	7,96	6 ÷ 8,5
9	Amoni	TCVN 6179-1:1996	mg/L	0,09	0,3
10	Mangan (Mn)	SMEWW 3111B:2023	mg/L	KPH (LOD=0,015)	0,1
11	Sắt (Ferrum) (Fe)	SMEWW 3111B:2023	mg/L	KPH (LOD=0,03)	0,3

Ghi chú:

Mẫu do khách hàng gửi đến;

QCVN 01-1:2018/BYT: Quy chuẩn Kỹ thuật Quốc gia về Chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích nước sinh hoạt;

KPH: Đối với các chỉ tiêu Hóa: Không phát hiện, kết quả nhỏ hơn giới hạn phát hiện của phương pháp; Đối với các chỉ tiêu Sinh:

Không phát hiện là không có khuẩn lạc nào mọc trên đĩa môi trường nuôi cấy;

Các chỉ tiêu đánh dấu (*) là chỉ tiêu được công nhận ISO/IEC 17025:2017.

PHỤ TRÁCH
PHÒNG DỊCH VỤ NƯỚC, QTTM&MTLD

Ths. Vũ Thị Cúc

Hà Nội, ngày 14 tháng 02 năm 2025

GIÁM ĐỐC
TRUNG TÂM XÉT NGHIỆM

TS. Đặng Thế Hưng

- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm/ Test results are valid for the submitted sample(s) only.
- Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm xét nghiệm thuộc Trường Đại học Y tế công cộng/ The test report must not be reproduced without the written approval of Laboratory Center of HUPH.
- Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu/ Name of sample(s) and customer are written as customer's request.



BỘ Y TẾ
TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y TẾ CÔNG CỘNG
TRUNG TÂM XÉT NGHIỆM
LABORATORY CENTER



Địa chỉ: Số 1A, đường Đức Thắng, P. Đức Thắng, Q. Bắc Từ Liêm, Hà Nội
Address: No.1A, Duc Thang Street, Duc Thang Ward, Bac Tu Liem District, Ha Noi City
Phone: (+84) 332592223; Hotline: (+84) 962958209; Website: https://huphlab.vn/

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

Số/No: W2502-061 (25.140)

- Tên mẫu/ Name of sample : Mẫu giữa nguồn lấy tại hộ dân Đào Văn Quân. Địa chỉ: đội 9, Vĩnh Khúc, Văn Giang
- Loại mẫu/ Sample type : Nước sạch
- Tên khách hàng/ Name of customer : Công ty Cổ phần Đầu tư và xây dựng Việt Thanh
- Địa chỉ khách hàng/ Address of customer : Khu đô thị Sơn Nam Plaza, phường Hồng Châu, thành phố Hưng Yên, tỉnh Hưng Yên, Việt Nam
- Mô tả mẫu/ Description : Mẫu đựng trong 1 chai 1 lít ở điều kiện thường
- Ngày nhận mẫu/ Date of receiving : 06/02/2025
- Người lấy/gửi mẫu/ Sample taking : Nguyễn Hữu Cường
- Thời gian thử nghiệm/ Testing time : 06/02/2025 – 14/02/2025
- Kết quả thử nghiệm/ Test results :

TT No	Tên chỉ tiêu Characteristic	Phương pháp thử Test method	Đơn vị Unit	Kết quả Result	QCVN 01- 1:2018/BYT
				W2502-061	Ngưỡng giới hạn cho phép
1	Coliform tổng số ^(*)	TCVN 6187-1:2019	CFU/100 mL	KPH	<3
2	<i>E. coli</i> ^(*)	TCVN 6187-1:2019	CFU/100 mL	KPH	<1
3	Arsenic (As) ^(*)	SMEWW 3113B:2023	mg/L	0,003	0,01
4	Clo dư tự do ^(*)	SMEWW 4500-Cl-G:2023	mg/L	0,54	0,2 ÷ 1
5	Độ đục ^(*)	TCVN 12402-1:2020	NTU	<0,1	2
6	Màu sắc ^(*)	TCVN 6185:2015	TCU	6,1	15
7	Mùi, vị	SMEWW 2150:2023 &SMEWW 2160:2023	-	Không có mùi, vị lạ	Không có mùi, vị lạ
8	pH ^(*)	TCVN 6492:2011	-	7,9	6 ÷ 8,5
9	Amoni ^(*)	TCVN 6179-1:1996	mg/L	KPH (LOD=0,03)	0,3
10	Mangan (Mn) ^(*)	SMEWW 3111B:2023	mg/L	KPH (LOD=0,015)	0,1
11	Sắt (Ferrum) (Fe) ^(*)	SMEWW 3111B:2023	mg/L	KPH (LOD=0,03)	0,3

Ghi chú:

Mẫu do khách hàng gửi đến;

QCVN 01-1:2018/BYT: Quy chuẩn Kỹ thuật Quốc gia về Chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích nước sinh hoạt;

KPH: Đối với các chỉ tiêu Hóa: Không phát hiện, kết quả nhỏ hơn giới hạn phát hiện của phương pháp; Đối với các chỉ tiêu Sinh:

Không phát hiện là không có khuẩn lạc nào mọc trên đĩa môi trường nuôi cấy;

Các chỉ tiêu đánh dấu (*) là chỉ tiêu được công nhận ISO/IEC 17025:2017.

PHỤ TRÁCH
PHÒNG DỊCH VỤ NƯỚC, QMTT&MTLB

Ths. Vũ Thị Cúc

Hà Nội, ngày 14 tháng 02 năm 2025

GIÁM ĐỐC
TRUNG TÂM XÉT NGHIỆM

TS. Đặng Thế Hưng

- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm/ Test results are valid for the submitted sample(s) only.
- Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm xét nghiệm thuộc Trường Đại học Y tế công cộng/ The test report must not be reproduced without the written approval of Laboratory Center of HUPH.
- Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu/ Name of sample(s) and customer are written as customer's request.



BỘ Y TẾ
TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y TẾ CÔNG CỘNG
TRUNG TÂM XÉT NGHIỆM
LABORATORY CENTER



Địa chỉ: Số 1A, đường Đức Thắng, P. Đức Thắng, Q. Bắc Từ Liêm, Hà Nội
Address: No.1A, Duc Thang Street, Duc Thang Ward, Bac Tu Liem District, Ha Noi City
Phone: (+84) 332592223; Hotline: (+84) 962958209; Website: https://huphlab.vn/

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

Số/No: W2502-062 (25.140)

- Tên mẫu/ Name of sample : Mẫu lấy tại DLSH-01 Vin 2
- Loại mẫu/ Sample type : Nước sạch
- Tên khách hàng/ Name of customer : Công ty Cổ phần Đầu tư và xây dựng Việt Thanh
- Địa chỉ khách hàng/ Address of customer : Khu đô thị Sơn Nam Plaza, phường Hồng Châu, thành phố Hưng Yên, tỉnh Hưng Yên, Việt Nam
- Mô tả mẫu/ Description : Mẫu đựng trong 1 chai 1 lít ở điều kiện thường
- Ngày nhận mẫu/ Date of receiving : 06/02/2025
- Người lấy/gửi mẫu/ Sample taking : Nguyễn Hữu Cường
- Thời gian thử nghiệm/ Testing time : 06/02/2025 – 14/02/2025
- Kết quả thử nghiệm/ Test results :

TT No	Tên chỉ tiêu Characteristic	Phương pháp thử Test method	Đơn vị Unit	Kết quả Result	QCVN 01- 1:2018/BYT
				W2502-062	Ngưỡng giới hạn cho phép
1	Coliform tổng số(*)	TCVN 6187-1:2019	CFU/100 mL	KPH	<3
2	E. coli(*)	TCVN 6187-1:2019	CFU/100 mL	KPH	<1
3	Arsenic (As)(*)	SMEWW 3113B:2023	mg/L	0,0037	0,01
4	Clo dư tự do(*)	SMEWW 4500-Cl-G:2023	mg/L	<0,2	0,2 ÷ 1
5	Độ đục(*)	TCVN 12402-1:2020	NTU	<0,1	2
6	Màu sắc(*)	TCVN 6185:2015	TCU	6,4	15
7	Mùi, vị	SMEWW 2150:2023 &SMEWW 2160:2023	-	Không có mùi, vị lạ	Không có mùi, vị lạ
8	pH(*)	TCVN 6492:2011	-	7,89	6 ÷ 8,5
9	Amoni(*)	TCVN 6179-1:1996	mg/L	KPH (LOD=0,03)	0,3
10	Mangan (Mn)(*)	SMEWW 3111B:2023	mg/L	KPH (LOD=0,015)	0,1
11	Sắt (Ferrum) (Fe)(*)	SMEWW 3111B:2023	mg/L	KPH (LOD=0,03)	0,3

Ghi chú:

Mẫu do khách hàng gửi đến;

QCVN 01-1:2018/BYT: Quy chuẩn Kỹ thuật Quốc gia về Chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích nước sinh hoạt;

KPH: Đối với các chỉ tiêu Hóa: Không phát hiện, kết quả nhỏ hơn giới hạn phát hiện của phương pháp; Đối với các chỉ tiêu Sinh:

Không phát hiện là không có khuẩn lạc nào mọc trên đĩa môi trường nuôi cấy;

Các chỉ tiêu đánh dấu (*) là chỉ tiêu được công nhận ISO/IEC 17025:2017.

PHỤ TRÁCH
PHÒNG DỊCH VỤ NƯỚC, QMTT&MTLD

Ths. Vũ Thị Cúc

Hà Nội, ngày 14 tháng 02 năm 2025

GIÁM ĐỐC
TRUNG TÂM XÉT NGHIỆM



TS. Đặng Thế Hưng

- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm/ Test results are valid for the submitted sample(s) only.
- Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm xét nghiệm thuộc Trường Đại học Y tế công cộng/ The test report must not be reproduced without the written approval of Laboratory Center of HUPH.
- Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu/ Name of sample(s) and customer are written as customer's request.



BỘ Y TẾ
TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y TẾ CÔNG CỘNG
TRUNG TÂM XÉT NGHIỆM
LABORATORY CENTER

Địa chỉ: Số 1A, đường Đức Thắng, P. Đức Thắng, Q. Bắc Từ Liêm, Hà Nội
Address: No.1A, Duc Thang Street, Duc Thang Ward, Bac Tu Liem District, Ha Noi City
Phone: (+84) 332592223; Hotline: (+84) 962958209; Website: https://huphlab.vn/



PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

Số/No: W2502-063 (25.140)

- Tên mẫu/ Name of sample : Mẫu lấy tại DLBMTV-20 Vin 3
- Loại mẫu/ Sample type : Nước sạch
- Tên khách hàng/ Name of customer : Công ty Cổ phần Đầu tư và xây dựng Việt Thanh
- Địa chỉ khách hàng/ Address of customer : Khu đô thị Sơn Nam Plaza, phường Hồng Châu, thành phố Hưng Yên, tỉnh Hưng Yên, Việt Nam
- Mô tả mẫu/ Description : Mẫu đựng trong 1 chai 1 lít ở điều kiện thường
- Ngày nhận mẫu/ Date of receiving : 06/02/2025
- Người lấy/gửi mẫu/ Sample taking : Nguyễn Hữu Cường
- Thời gian thử nghiệm/ Testing time : 06/02/2025 – 14/02/2025
- Kết quả thử nghiệm/ Test results :

TT No	Tên chỉ tiêu Characteristic	Phương pháp thử Test method	Đơn vị Unit	Kết quả Result	QCVN 01- 1:2018/BYT
				W2502-063	Ngưỡng giới hạn cho phép
1	Coliform tổng số ^(*)	TCVN 6187-1:2019	CFU/100 mL	KPH	<3
2	<i>E. coli</i> ^(*)	TCVN 6187-1:2019	CFU/100 mL	KPH	<1
3	Arsenic (As) ^(*)	SMEWW 3113B:2023	mg/L	0,003	0,01
4	Clo dư tự do ^(*)	SMEWW 4500-Cl-G:2023	mg/L	<0,2	0,2 ÷ 1
5	Độ đục ^(*)	TCVN 12402-1:2020	NTU	<0,1	2
6	Màu sắc ^(*)	TCVN 6185:2015	TCU	6,9	15
7	Mùi, vị	SMEWW 2150:2023 & SMEWW 2160:2023	-	Không có mùi, vị lạ	Không có mùi, vị lạ
8	pH ^(*)	TCVN 6492:2011	-	7,96	6 ÷ 8,5
9	Amoni ^(*)	TCVN 6179-1:1996	mg/L	KPH (LOD=0,03)	0,3
10	Mangan (Mn) ^(*)	SMEWW 3111B:2023	mg/L	KPH (LOD=0,015)	0,1
11	Sắt (Ferrum) (Fe) ^(*)	SMEWW 3111B:2023	mg/L	KPH (LOD=0,03)	0,3

Ghi chú:

Mẫu do khách hàng gửi đến;

QCVN 01-1:2018/BYT: Quy chuẩn Kỹ thuật Quốc gia về Chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích nước sinh hoạt;

KPH: Đối với các chỉ tiêu Hóa: Không phát hiện, kết quả nhỏ hơn giới hạn phát hiện của phương pháp; Đối với các chỉ tiêu Sinh:

Không phát hiện là không có khuẩn lạc nào mọc trên đĩa môi trường nuôi cấy;

Các chỉ tiêu đánh dấu (*) là chỉ tiêu được công nhận ISO/IEC 17025:2017.

PHỤ TRÁCH
PHÒNG DỊCH VỤ NƯỚC, QMTT&MTLB

Ths. Vũ Thị Cúc

Hà Nội, ngày 14 tháng 02 năm 2025

GIÁM ĐỐC
TRUNG TÂM XÉT NGHIỆM



TS. Đặng Thế Hưng

- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm/ Test results are valid for the submitted sample(s) only.
- Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm xét nghiệm thuộc Trường Đại học Y tế công cộng/ The test report must not be reproduced without the written approval of Laboratory Center of HUPH.
- Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu/ Name of sample(s) and customer are written as customer's request.